TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Văn Cảnh
Ông Phạm Thành Đồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định Hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-DS ngày 20 ngày 8 tháng 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ)

Địa chỉ: Đường L, phường C, Thành phố Hà Nội (trước đây là đường L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Xuân H – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Minh T – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch G.

Địa chỉ: Ấp B, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Phan Minh Q, sinh năm 1994 – Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2025.

2. Bị đơn: - Ông Triệu Công Đ, sinh năm 1977

- Ông Triệu Minh T, sinh năm 1998

- Ông Phạm Văn S, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre)

Ông Q có mặt. Ông Đ, ông T, ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Phan Minh Q trình bày:

Ngày 13/4/2023, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V – Chi nhánh B - Phòng giao dịch G) với ông Triệu Công Đ, bà Phạm Thị Lệ H có ký kết hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0066/1223. Hai bên thống nhất Ngân hàng cho ông Đ, bà H vay số tiền 500.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn cải tạo đất, sửa chữa chuồng trại và chăn nuôi bò, gà. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất thỏa thuận là 13%/năm (một năm 365 ngày), áp dụng cho 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 lãi suất điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc hai bên thỏa thuận ngày 10/4/2024, ông Đ, bà H có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/4/2025, trả số tiền 70.000.000 đồng; Ngày 10/4/2026, trả số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 12/4/2027, trả số tiền 130.000.000 đồng; Ngày đáo hạn 13/4/2028 trả số tiền còn lại là 150.000.000 đồng. Lãi vay được trả theo định kỳ vào ngày 10 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 08/4/2022, ông Đ, bà H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0036/TC22 (được sửa đổi bổ sung số K.0036/TC22-01/2023/PLHĐ ngày 13/4/2023) đối với tài sản là thửa đất số 419, tờ bản đồ số 14, diện tích 358,1m^2 (có 100m^2 đất ONT), tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) do bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 007684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH10356 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/8/2015. Hợp đồng thế chấp, hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung được Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn N chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Ngày 13/4/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà H nhận đủ số tiền vay 500.000.000 đồng theo giấy bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 10/10/2023, ông Đ, bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền lãi tổng cộng là 32.055.000 đồng. Quá thời hạn phân kỳ trả nợ lần đầu ngày 10/4/2024, ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận. Do ông Đ, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên từ ngày 29/11/2023, toàn bộ khoản vay theo các phân kỳ trả nợ đã chuyển sang nợ quá hạn, thuộc trường hợp phải thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 06/12/2024, ông Đ, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 577.465.547 đồng (gồm nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 71.054.588 đồng và lãi quá hạn là 6.410.959 đồng).

Ngày 13/10/2023, bà H chết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S có nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 06/12/2024 là 577.465.547 đồng (gồm nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 71.054.588 đồng, lãi quá hạn là 6.410.959 đồng) và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 07/12/2024 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số N.0066/1223 ngày 13/4/2023. Trường hợp ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 419, tờ bản đồ số 14, diện tích 358,1m^2, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà H ngày 04/8/2015 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 007684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH10356 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng các ông vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ) đối với ông Triệu Công Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Lệ H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S.

Buộc ông Triệu Công Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Lệ H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 06/12/2024 là 577.465.547 đồng (gồm nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 71.054.588 đồng và lãi quá hạn là 6.410.959 đồng) trong phạm vi di sản bà H để lại và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/12/2024 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số N.0066/1223 ngày 13/4/2023. Trường hợp ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản bảo đảm trong phạm vi di sản của bà H để lại để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ) khởi kiện yêu cầu ông Triệu Công Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Lệ H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S cùng cư trú tại khu phố H, phường P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre) có trách trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Đ, ông T, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt những người nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Đ, ông T, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0066/1223 ngày 13/4/2023, kèm theo điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; Giấy bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 13/4/2023, có căn cứ xác định ông Đ, bà H đã giao kết hợp đồng tín dụng và đã nhận đủ số tiền vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng. Mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi bò, gà, sửa chữa chuồng trại và san lắp, cải tạo đất. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất thỏa thuận là 13%/năm (một năm 365 ngày), áp dụng cho 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 04 lãi suất điều chỉnh theo quy định ngân hàng, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc hai bên thỏa thuận ngày 10/4/2024, ông Đ, bà H có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/4/2025, trả số tiền 70.000.000 đồng; Ngày 10/4/2026, trả số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 12/4/2027, trả số tiền 130.000.000 đồng; Ngày đáo hạn 13/4/2028 trả số tiền còn lại là 150.000.000 đồng. Lãi vay được trả theo định kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Hợp đồng tín dụng do ông Đ, bà H ký, ghi rõ họ tên bên vay. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Sau khi nhận đủ tiền, đến phân kỳ trả nợ đầu tiên ngày 10/4/2024 và lần 2 ngày 10/4/2025, ông Đ chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền lãi là 32.055.000 đồng mà không trả được số tiền nợ gốc lần đầu là 50.000.000 đồng và lần 02 là 70.000.000 đồng nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và được tính lãi suất quá hạn. Do ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn là đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0066/1223 ngày 13/4/2023 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại điểm e khoản 1, Điều 4 và khoản 7 Điều 9 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng. Đối với số tiền nợ gốc 380.000.000 đồng còn lại, tuy hiện nay chưa đến ngày đáo hạn nhưng do ông Đ, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng phân kỳ trả nợ lần đầu, lần hai đã được hai bên thỏa thuận nên Ngân hàng chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay là phù hợp. Ngày 13/10/2023, bà H chết. Tại bản tự khai ngày 27/11/2024 do Ngân hàng cung cấp, thể hiện nội dung ông Đ khai bà H là vợ của ông Đ. Cha bà H là ông Phạm Văn S, mẹ là bà Phạm Thị B (đã chết), con là ông Triệu Minh T, sinh năm 1988 và Triệu Công T, sinh năm 2011. Lời khai của ông Đ phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định hàng thừa kế thứ nhất là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S và Triệu Công T

(chưa thành niên). Tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự quy định "Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Do ông Đ, ông T, ông S là người kế thừa quyền, nghĩa vụ về tài sản của bà H nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi vay trước hạn tính đến ngày 06/12/2024 với số tiền tổng cộng là 577.465.547 đồng (gồm nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 71.054.588 đồng và lãi quá hạn là 6.410.959 đồng) trong phạm vi di sản bà H để lại là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên. Ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong phạm vi di sản bà H để lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0066/1223 ngày 13/4/2023 từ ngày 07/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0036/TC22 và phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 22/12/2022 do ông Đ, bà H ký, ghi rõ họ tên người thế chấp và được cơ quan đăng ký là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C chứng nhận. Mặc khác, tại bản cam kết ngày 08/4/2022 của ông Đ, bà H thể hiện nội dung ông Đ, bà H cam kết toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số K.0036/TC22 ngày 08/4/2022 (được sửa đổi, bổ sung ngày 13/4/2023) bao gồm nhà ở và toàn bộ tiền để xây dựng tài sản gắn liền với thửa đất số 419, tờ bản đồ số 14 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Đ, bà H, không có tranh chấp, không bị kê biên. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2025, thể hiện trên đất không có công trình vật kiến trúc của người khác. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0036/TC22 ngày 08/4/2022 (được sửa đổi, bổ sung ngày 13/4/2023) do hai bên tự nguyện giao kết, được Văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn N chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Do ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trong phạm vi di sản của bà H để lại để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp tài sản bảo đảm trong phạm vi tài sản bảo đảm của bà H để lại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ

phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ (do ông T, ông S chỉ kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H trong phạm vi phần di sản thừa kế của bà H là tài sản thế chấp).

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S phải chịu chi phí tố tụng với số tiền tổng cộng là 500.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm ứng nộp xong nên ông Đ, ông T, ông S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đ, ông T, ông S phải chịu án phí theo quy định là 577.465.547 đồng = 20.000.000 đồng + (177.465.547 đồng x 4%) = 27.098.621 đồng (làm tròn 27.099.000 đồng). Ông S là người cao tuổi nên nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Đ, ông T phải nộp tạm ứng án phí với số tiền là (27.099.000 đồng/3) x 2 = 18.066.000 đồng.

Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V).

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại đối với ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S.

Buộc ông Triệu Công Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Lệ H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V số tiền nợ tính đến ngày 06/12/2024 là 577.465.547đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng). Trong đó tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), lãi trong hạn là 71.054.588đ (Bảy mươi mốt triệu không trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) và lãi quá hạn là 6.410.959đ (Sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng) trong phạm vi di sản bà H để lại.

Ông Triệu Công Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Lệ H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trong phạm vi di sản bà H để lại kể từ ngày 07/12/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0066/1223 ngày 13/4/2023 cho đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V.

Trường hợp ông Triệu Công Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Lệ H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm trong phạm vi di sản bà H để lại là thửa đất số 419, tờ bản đồ số 14, diện tích 358,1m^2 (có 100m^2 đất ở tại nông thôn và 258,1m^2 đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Phạm Thị Lệ H ngày 04/8/2015 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 007684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH10356 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Triệu Công Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Triệu Công Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Lệ H gồm ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T, ông Phạm Văn S có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Triệu Công Đ, ông Triệu Minh T phải chịu số tiền là 18.066.000đ (Mười tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ông Phạm Văn S được miễn nộp án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ) số tiền là 13.549.000đ (Mười ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0007547 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự k – Vĩnh Long).

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang